**Phụ lục 3**

**KHUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC ĐƠN VỊ NĂM 2024**

*(Đính kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày ... tháng .... năm 2024*

 *của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Xác định những căn cứ để xây dựng Kế hoạch, trong đó lưu ý một số văn bản như:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

* *Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử;*

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số hằng năm;

* *Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;*
* *Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";*

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Công văn số 6074/BTTTT-CĐSQG ngày 06/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện Chuyển đổi số cấp bộ, cấp tỉnh.

- Kế hoạch số 4108/KH-UBND ngày 11/11/2020 về việc triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Kế hoạch số 4125/KH-UBND ngày 16/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025”;

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/5/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chủ trương đầu tư chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành “Đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

- Chương trình hành động số 59-CTr/BCSĐ ngày 27/01/2022 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030;

- Kế hoạch số 3566/KH-UBND ngày 18/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 4/03/2023 của Ủy ban nhhân dân tỉnh Về việc triển khai thực hiện hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Kế hoạch 1146/KH-UBND ngày 28/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Phát triển hạ tầng số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị 08/CT-UBND ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận;

- Kế hoạch [4546/KH-UBND](http://hscvsotttt.ninhthuan.gov.vn/qlvb/VBden.nsf/str/6B9B2CAA9411E2EB47258A59002CD2A1?OpenDocument) ngày 31/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh [về việc Triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận](http://hscvsotttt.ninhthuan.gov.vn/qlvb/VBden.nsf/str/6B9B2CAA9411E2EB47258A59002CD2A1?OpenDocument);

- Quyết định số [815/QĐ-UBND](http://hscvsotttt.ninhthuan.gov.vn/2021/vbden.nsf/str/26E30B692A90AFB3472587AA000C739E?OpenDocument) ngày 12/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh [Về việc phê duyệt Kiến trúc Chín\h quyền điện tử tỉnh Ninh Thuận, phiên bản 2.0](http://hscvsotttt.ninhthuan.gov.vn/2021/vbden.nsf/str/26E30B692A90AFB3472587AA000C739E?OpenDocument);

 - Quyết định số 71/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

*- Chương trình/Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của địa phương, đơn vị.*

**II. MỤC TIÊU**

- Xác định cụ thể mục tiêu về chuyển đổi số của đơn vị năm 2024.

- Các mục tiêu cần rõ ràng, định lượng, khả thi, hiệu quả, dễ theo dõi, đánh giá kết quả; bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu theo Kế hoạch triển khai Chương trình chuyển đổi số và đề án đô thị thông minh năm 2024 .

**III. NHIỆM VỤ**

**1. Nhận thức số**

Xác định các nhiệm vụ để nâng cao nhận thức số, trong đó nhấn mạnh các hoạt động chỉ đạo về chuyển đổi số của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền tại địa phương, đơn vị; (*các hoạt động quảng bá, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Trọng tâm triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và tỉnh. Thực hiện chia sẻ, truyền thông các sản phẩm, sáng kiến, cách làm hay về chuyển đổi số; triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng …..)*

**2. Thể chế số**

Xác định các văn bản, cơ chế, chính sách cần xây dựng để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin *(văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn; quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật; định mức kinh tế- kỹ thuật, đơn giá xây dựng, duy trì, vận hành; quy định; quy chế; …).*

**3. Hạ tầng số**

Xác định các nội dung phát triển hạ tầng số tại đơn vị, đơn vị đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận hành các hệ thống thông tin, liên thông (trang bị *máy tính cho CBCC; mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN; Trung tâm dữ liệu; ứng dụng điện toán đám mây; kho dữ liệu, lưu trữ tập trung; chữ ký số; sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước; ...).*

**4. Dữ liệu số**

Xác định các nội dung phát triển dữ liệu số của đơn vị trong đó ưu tiên xây dựng, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có của tỉnh. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. *(Tập trung cơ sở dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính, làm giàu Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức theo Đề án 06.)*

**5. Nền tảng số**

Phối hợp với tỉnh triển khai các nền tảng dùng chung, hệ thống cho phát triển Chính quyền số. (*Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; Nền tảng số hóa, lưu trữ tài liệu điện tử của tỉnh; Nền tảng tổng hợp, theo dõi Kinh tế-Xã hội; Nền tảng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; các nền tảng, dịch vụ số dùng chung của tỉnh, ...)*

**6. Nhân lực số**

Triển khai kế hoạch đào tạo nhân lực số; bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số cho cán bộ công chức, viên chức; tập huấn kỹ năng số cho người dân *(tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, lớp đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số; tham gia các nền tảng đào tạo, học liệu số do tỉnh tổ chức; phối hợp tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn giới thiệu kiến thức về chuyển đổi số; triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng…)*

**7. An toàn thông tin mạng**

Hoàn thành việc rà soát, xác định nhiệm vụ lập, phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin do đơn vị chủ trì theo Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông. Tham gia triển khai các hoạt động nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin *(tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, năng lực về an toàn thông tin mạng; tham gia tổ chức diễn tập về an toàn thông tin mạng).*

**8. Chính quyền số**

Xác định những nhiệm vụ cụ thể tại đơn vị, địa phương cần thực hiện để đạt được các mục tiêu nâng cao hiệu quả Dịch vụ công trực tuyến; nâng cao năng lực giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến tại đơn vị, địa phương; phát triển Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp.

**9. Kinh tế số**

Xác định những nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra
của địa phương, đơn vị bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển kinh tế số nêu tại Kế hoạch 4546/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**10. Xã hội số**

Xác định những nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra của địa phương, đơn vị bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển xã hội số nêu tại Kế hoạch 4546/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

**IV. GIẢI PHÁP**

Xác định các giải pháp để tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ đã đặt ra. Cụ thể bao gồm các nhóm giải pháp tiêu biểu như: thu hút nguồn lực cho chuyển đổi số (nhân lực chất lượng cao; nguồn tài chính từ các khu vực công, tư); mô hình phối kết hợp nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong thúc đẩy chuyển đổi số; hợp tác quốc tế *(thăm quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm; tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp số Việt Nam;…)*; …

**V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Xác định nguồn kinh phí, dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Xác định trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của các cơ quan, tổ chức.

**VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN**

Xác định danh mục nhiệm vụ, dự án và kế hoạch triển khai cụ thể dựa trên các nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện. Trong đó với mỗi nhiệm vụ, dự án cần nêu rõ đơn vị chủ trì; nhiệm vụ, dự án mới hay chuyển tiếp, mục tiêu, quy mô, nội dung, thời gian triển khai, dự kiến mức kinh phí và nguồn vốn./.